

TOÁN+

LUYỆN TẬP: SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố cho HS về so sánh các số trong phạm vi 100.000 (BT1, 2, 3)
- Vận dụng so sánh các số trong phạm vi 100 000 để giải quyết vấn đề thực tiễn (BT4).

2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

3. Phẩm chất.

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. - Giáo viên viết lên bảng các số: 41678, 38679, 20654, 32787 Hỏi: + HS 1: Tìm số bé nhất ? + HS 2: Tìm số lớn nhất ? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 2. Luyện tập - thực hành Bài 1 : Sắp xếp (>, =, <) 34 052...9999 59 421...59 46 077....40 422 088 57 941...57 82 673...82 924 599 48 624...48 9999 10 599 000 11 5577... 5784 111...9999+1 9099 +1...90 990	- HS tham gia trò chơi - Học sinh quan sát + HS trả lời. - HS lắng nghe. - 1 HS nêu yêu cầu bài. - HS làm vở, nêu miệng kết quả. - HS nhận xét.
--	---

GV đưa ra thêm yêu cầu: So sánh sẽ gồm cả:

- 2 chục nghìn, 3 trăm, 2 $\text{®} \neg n$ và vậ sẽ gồm cả 2 chục nghìn, 3 chục, 2 $\text{®} \neg n$ và.

- 5 chục nghìn, 3 nghìn, 5 $\text{®} \neg n$ và vậ sẽ gồm cả 4 chục nghìn, 3 chục, 5 $\text{®} \neg n$ và.

- GV nhữn xĐt

- GV củng cố cho học sinh các cách so sánh các số trong phạm vi 100 000 (so sánh số các chữ số, so sánh lần lượt từng hàng tương ứng) sau đó điền dấu.

Bài 2:

a. Khoanh vào sẽ lín nhất (làm việc cá nhân)

34 567; 43 657; 46 753; 35 467.

b, Khoanh vào sẽ bĐ nhữt:

52 048 ; 20 183 ; 21 586 ; 51 802

GV tiếp tục củng cố về cách so sánh các số trong phạm vi 100 000 để học sinh khoanh đúng số lớn nhất và số nhỏ nhất.

Bài 3. (Làm việc cả lớp)

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- Lớp làm việc chung.

a, Sắp xếp theo thø từ gi¶m dần:
20 630 ; 60 302 ; 30 026 ; 36 200

b, Sắp xếp theo thø từ t¶ng dần:
47 563 ; 36 547 ; 35 647 ; 65 347

- GV mời HS nêu kết quả.

- Gi¶o vi¶n nhữn xĐt, chèt k¶
 $\text{®} \text{óng}$

- Mời HS khác nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương.

GV củng cố cách sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé và từ bé đến lớn dựa vào các cách so sánh các số trong phạm vi 100

- HS lắng nghe.

- 1 HS nêu yêu cầu bài.

- 2 HS lên bảng.

- Cả lớp làm bài vào vở.

a. Khoanh vào số 46 753.

b. Khoanh vào số 20 183.

- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- HS quan sát các số và so sánh (theo hàng từ bên trái qua phải) để sắp xếp thứ tự từ lớn đến bé và từ bé đến lớn.

- HS trình bày trước lớp:

a. 60 302, 36 200, 30 026, 20 630.

b. 35 647, 36 547, 47 563, 65 347.

- HS khác nhận xét.

- HS lắng nghe.

- HS nêu yêu cầu bài 4.

- HS trả lời theo thông tin đã đưa ra.

+ Đại diện nhóm nêu câu trả lời cho yêu cầu bài tập:

Đội Hai: 8230 cây

Đội Ba: 10 112 cây

000. 3. Vận dụng Bài 4. Sau đây là thông tin về số cây trồng được của một số đội trồng rừng. Hãy xếp tên các đội theo số lượng cây trồng được theo thứ tự từ ít nhất đến nhiều nhất: Đội Một: 10 820 cây Đội Hai: 8230 cây Đội Ba: 10 112 cây Đội bốn: 10 320 cây - GV cho HS đọc đề bài và các thông tin trong bài - GV chia nhóm 4, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm. - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV mời các học sinh ở dưới nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương. - <i>Củng cố cho HS những cách so sánh các số trong phạm vi 100 000 vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.</i> 4. Hoạt động nối tiếp - GV nhận xét tiết học. - Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì? - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan so sánh các số trong phạm vi 100 000, tiết sau chia sẻ với các bạn.	Đội Bốn: 10 320 cây Đội Một: 10 820 cây + HS nhận xét - HS lắng nghe.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

.....

TOÁN+

LUYỆN TẬP: ĐIỂM Ở GIỮA. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và xác định được điểm ở giữa hai điểm khác nhau và trung điểm của một đoạn thẳng.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào hoàn thành các bài tập, giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất.

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV yêu cầu cả lớp hát bài hát “Trường em”. - GV yêu cầu HS nhắc lại sự khác nhau giữa điểm ở giữa và trung điểm của đoạn thẳng. - GV nhận xét, tuyên dương	- Cả lớp hát. - HS trả lời + Điểm thẳng hàng với hai điểm khác và nằm giữa hai điểm đó gọi là điểm ở giữa. + Trung điểm là điểm ở giữa hai điểm đoạn thẳng và chia đoạn đó thành hai phần bằng nhau.
- GV giới thiệu bài mới 2. Luyện tập – thực hành Bài 1: Câu nào đúng, câu nào sai? a. M là trung điểm A và B. b. I và K là điểm ở giữa hai điểm C và D. c. K là trung điểm của đoạn thẳng CI d. O là trung điểm của đoạn thẳng GH e. M là điểm ở giữa hai điểm A và B g. O là điểm ở giữa hai điểm G và H.	- HS lắng nghe. - HS nêu yêu cầu. - HS thảo luận nhóm đôi làm bài vào phiếu. - Các nhóm khác nhận xét. a. S b. Đ c. Đ d. S e. S g. Đ * HS giải thích rõ lí do chọn sai/đúng.

- GV nhận xét, chữa và chốt đáp án đúng
** Cùng cố cách nhận biết và phân biệt điểm ở giữa và trung điểm của đoạn thẳng.*
Bài 2: Cho hai điểm A, B (như hình vẽ) (làm việc cá nhân).

A . . B

- Vẽ đường thẳng đi qua hai điểm AB.
- Xác định một điểm O nằm giữa hai điểm AB. Có thể xác định bao nhiêu điểm O như vậy?
- Khi nào O là trung điểm của đoạn thẳng AB. Có thể xác định được bao nhiêu trung điểm của đoạn thẳng AB ?

- GV nhận xét, chữa bài.

=> *Chốt cách vẽ đường thẳng: đặt thước kẻ trùng với hai điểm đã cho và kẻ một đường thẳng qua hai điểm đó.*

Bài 3:

GV đưa ra các đoạn thẳng AB, CD, GH, IK, MN, yêu cầu học sinh lên bảng tự đánh dấu trung điểm của các đoạn thẳng đó.

- Gọi HS nhận xét bài của bạn.

- GV nhận xét.

GV củng cố lại cho HS cách xác định trung điểm của đoạn thẳng.

- HS lắng nghe.

- HS nêu yêu cầu bài.

** HS phân biệt đường thẳng và đoạn thẳng*

- HS làm bài vào vở, 3 HS chữa bài.

A . . . O . . . B

a.
b. Có thể xác định được vô số các điểm O như vậy.

c. O là trung điểm của AB khi O chia đoạn $AO = OB$. Đoạn thẳng AB chỉ có một trung điểm duy nhất.

- HS nhận xét.

- HS lắng nghe.

- 2 HS lên bảng thực hiện, HS dưới lớp làm vở nháp.

- HS nhận xét.

- HS nghe.

3. Vận dụng.

Bài 4:

Có một sợi dây, em sẽ làm thế nào để tìm được trung điểm của sợi dây đó ?

- Phát mỗi nhóm 1 sợi dây.

- Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi tìm trung điểm của sợi dây đó.

- Mời nhóm khác nhận xét, chia sẻ cách thực

- HS nêu yêu cầu bài 4.

+ Các nhóm làm việc

- Đại diện các nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét

- Học sinh chia sẻ cách tìm với cả

hiện. - GV nhận xét, tuyên dương <i>Củng cố cho HS cách xác định trung điểm của các vật trong thực tiễn cuộc sống</i> 4. Hoạt động nối tiếp: - GV nhận xét tiết học. Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì ? GV yêu cầu HS về nhà tự tìm thêm các đồ vật có trong nhà và xác định trung điểm của các vật đó.	lớp chẳng hạn: + Lên trên bục giảng thực hiện gấp đôi sợi dây tạo ra hai phần bằng nhau. Điểm bị gấp lại chính giữa chính là trung điểm của sợi dây đó. + Nhóm khác nhận xét, trình bày nếu có cách tìm khác. - HS lắng nghe - Học sinh trả lời: + Điểm ở giữa + Trung điểm của đoạn thẳng
IV. Điều chỉnh sau bài dạy: 	

TOÁN+

LUYỆN TẬP: HÌNH TRÒN, TÂM, ĐƯỜNG KÍNH, BÁN KÍNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được tâm, bán kính, đường kính của hình tròn, mối liên hệ giữa đường kính với bán kính của hình tròn (BT1).
- HS tính được bán kính của hình tròn dựa vào đường kính cho trước, tính được đường kính khi cho trước bán kính (BT2).

2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

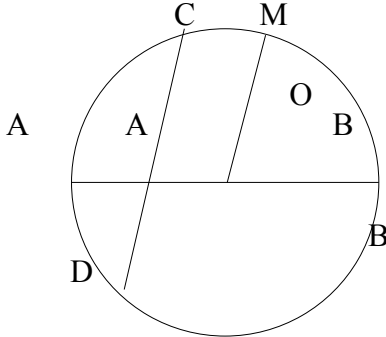
3. Phẩm chất.

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS hát bài hát Lớp chúng ta đoàn kết. - GV tổ chức trò chơi “ Hoa nở, hoa tàn” - GV nhận xét GV dẫn dắt vào bài mới 2. Luyện tập - thực hành Bài 1: Khoanh vào đáp án trước câu trả lời đúng (làm việc cá nhân) - Bán kính của hình tròn tâm O là OM,OB, AB - Đường kính của hình tròn tâm O là OM. - Đường kính của hình tròn tâm O là CD. - Độ dài đoạn thẳng OA bằng $\frac{1}{2}$ độ dài đoạn thẳng AB. - GV và HS nhận xét, chốt đáp án đúng. <i>Đáp án D đúng</i> <i>GV củng cố cho HS đặc điểm của hình tròn (tâm, đường kính, bán kính)</i>	- Cả lớp tham gia trò chơi. - HS lắng nghe. - XD yêu cầu của bài. - Nêu đáp án trước lớp- Giải thích lí do vì sao chọn đáp án đó. 
Bài 2: a) Cho hình tròn tâm I có độ dài đường kính bằng 6cm. Tính độ dài bán kính của hình tròn đó. b) Cho hình tròn tâm O có độ dài bán kính bằng 5cm. Tính độ dài đường kính của hình tròn đó. (Làm việc cá nhân) - Giáo viên mời học sinh nêu yêu cầu bài tập. - Giáo viên mời học sinh nêu lại mối liên hệ giữa bán kính và đường kính của một hình tròn.	- HS nêu yêu cầu bài - Học sinh trả lời: Độ dài bán kính gấp 2 lần độ dài đường kính. + Học sinh làm việc theo yêu cầu.

- GV yêu cầu HS làm bài tập - GV hướng dẫn học sinh làm việc cá nhân, sau đó đổi chéo vở với bạn bên cạnh để kiểm tra cho nhau. - Mời đại diện vài nhóm trình bày kết quả - Mời các nhóm khác nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương. - GV hỏi thêm: + Cách tính bán kính khi biết đường kính? + Cách tính đường kính khi biết bán kính ? - GV mời học sinh khác nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương <i>GV củng cố cho HS cách tính đường kính hình tròn từ bán kính cho trước và ngược lại.</i> Bài 3: Vẽ hình tròn tâm O, bán kính 3cm, AB là đường kính của hình tròn đó (làm việc cá nhân) - GV hướng dẫn học sinh các bước vẽ hình tròn <i>GV chốt các bước vẽ hình tròn</i>	+ Đại diện một vài cặp trình bày. Học sinh trình bày: a) Độ dài bán kính của hình tròn đó là: $6 : 2 = 3\text{cm}$ a) Độ dài đường kính của hình tròn đó là: $5 \times 2 = 10\text{cm}$ - Học sinh nhận xét - Học sinh trả lời + Ta lấy đường kính chia cho 2 + Ta lấy bán kính nhân 2 - Học sinh nhận xét - Lắng nghe - HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. HS vẽ vào vở, sau đó đổi chéo bài cho nhau. 1 số học sinh nêu các bước vẽ hình tròn.
2. Hoạt động nối tiếp - Nhận xét tiết học. - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì ?	- Học sinh khác nhận xét - Học sinh trả lời: Biết được hình tròn, tâm, đường kính, bán kính
IV. Điều chỉnh sau bài dạy: 	